

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HNGĐ - ST

Ngày **25/7/2022**

V/v: Tranh chấp hôn nhân
và gia đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Cự

2. Bà Cao Thị Hưng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Thề, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Trà Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 92/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2022, về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh T.

- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn H, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Đ, tỉnh T.

(Tại phiên tòa vắng mặt chị D, có mặt anh Hưng. Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị kết hôn với anh Phạm Văn H ngày 01/6/2021, do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh T. Vợ chồng chung sống đến tháng 4/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không

quan tâm đến nhau. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở xã Q, huyện Q, tỉnh T. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh Phạm Văn H.

Về con chung: Chị và anh Phạm Văn H không có con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để trình bày. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và xác minh với gia đình anh H thì được bố anh H là ông Phạm Văn H1 cung cấp như sau: ông có nhận được được thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập của Tòa án gửi cho anh H và đã thông báo toàn bộ nội dung các văn bản trên cho anh H. Anh H đã biết việc chị D xin ly hôn anh tại Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng. Anh H kết hôn với chị D năm 2021. Quá trình chung sống chị D và anh H mâu thuẫn như thế nào thì ông không biết. Sau khi ông thông báo cho anh H về việc chị D xin ly hôn thì anh H có ý kiến là anh H đồng ý ly hôn. Về con chung anh H và chị D chưa có con chung. Hiện anh H làm tự do ở Hà Nội, thường xuyên thay đổi chỗ ở nên ông không cung cấp địa chỉ cụ thể, nhưng anh H thường xuyên liên lạc với ông qua điện thoại và thường xuyên về nhà ở xã H.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Phạm Văn H trình bày: Chị D xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn. Về con chung, anh và chị D không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản, vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị D đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn - anh Phạm Văn H đã không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D: Cho chị D được ly hôn anh Phạm Văn H. Về con chung: Chị D và anh H không có con chung nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, chị D, anh H thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung,

không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Văn H có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện Đ, tỉnh T, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị D kết hôn với anh H ngày 01/6/2021, do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến tháng 4/2022 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Chị D xin ly hôn, anh H đồng ý ly hôn. Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh T đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị D. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D xử cho chị D được ly hôn anh H là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị D và anh H thống nhất vợ chồng không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị D và anh H thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 266; Điều 147; khoản 1 Điều 228 ; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn H không có con

chung nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tòa án không giải quyết về tài sản.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị D đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003088 ngày 24/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đường sự, UBND xã H;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thị Lan Phương

.